

**TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN X
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Bản án số: 95/2022/DS - ST

Ngày : 18/7/2022

V/v tranh chấp “Hợp đồng thẻ tín dụng”

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN X - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Vũ Kim Liên

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lâm Văn Vô

2. Bà Trần Thị Tuyết

-Thư ký phiên tòa : Ông Nguyễn Đình Tùng Lâm – Thư ký Tòa án nhân dân Quận X

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận X tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Hoa – Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 7 năm 2022 tại phòng xử án của Tòa án nhân dân Quận X, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 42/2021/DSST ngày 25/02/2021 về việc: “ Tranh chấp hợp đồng thẻ tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 52/2022/QĐXX-DS ngày 25 tháng 5 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 80/2022/QĐST-DS ngày 23 tháng 6 năm 2022 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng thương mại cổ phần SGTT

Trụ sở: Lầu 8-266-268 NKKN, Phường B, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Bà Nguyễn Đức Thạch D –Tổng Giám đốc

Người đại diện hợp pháp: Ông Phạm Trường T, sinh năm 1994(vắng mặt)

(Văn bản ủy quyền số 38/2022/UQ-TTT ngày 23/02/2022)

Địa chỉ: Lầu 8-266-268 NKKN, Phường B, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Bị đơn: Bà NTNP, sinh năm 1987(vắng mặt)

Địa chỉ: 49 NQ, Phường D Quận X, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 29/12/2020 và quá trình giải quyết vụ án ông Phạm Trường T là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Vào ngày 17/12/2012 Ngân hàng Thương mại cổ phần SGTT(gọi tắt là ngân hàng) và bà NTNP có ký Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng(gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng và bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng). Căn cứ thu nhập của bà P, ngân hàng đã cấp 2 thẻ tín dụng gồm thẻ Visa Ladies First số thẻ 486265-7763, thẻ Family Local Credit số thẻ 970403-6390, với hạn mức sử dụng chung là 40.000.000đồng, mục đích tiêu dùng cá nhân, lãi suất là 2.6%/tháng. Sau khi được cấp thẻ tín dụng bà P đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là 99.057.545 đồng(trong đó thẻ Visa Ladies First số thẻ 486265-7763 là

56.857.545đ, thẻ Family Local Credit số thẻ 970403-6390 là 42.000.000đ). Từ ngày kích hoạt thẻ cho đến nay bà P đã thanh toán cho ngân hàng tổng số tiền là 161.030.300đồng(trong đó thẻ Visa Ladies First số thẻ 486265-7763 là 69.083.700đ, thẻ Family Local Credit số thẻ 970403-6390 là 91.946.600đ). Tổng số tiền thanh toán được áp dụng theo điều 20 của bản điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của ngân hàng.

Do bà P đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán. Ngày 23/5/2020 Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn, dư nợ tại thời điểm này là 26.696.536đ làm nợ gốc(trong đó thẻ Visa Ladies First số thẻ 486265-7763 là 17.339.358đ, thẻ Family Local Credit số thẻ 970403-6390 là 9.357.178đ), lãi suất nợ quá hạn là 150% lãi suất trong hạn. Tính đến ngày 23/02/2022 bà P còn nợ các khoản sau nợ gốc của 2 thẻ là 26.696.536 đồng(thẻ Visa Ladies First số thẻ 486265-7763 là 17.339.358đ, thẻ Family Local Credit số thẻ 970403-6390 là 9.357.178đ, nợ lãi quá hạn là 22.621.202 đồng(trong đó thẻ Visa Ladies First là 14.471.322đ, thẻ Family Local Credit là 8.149.880đ), tổng cộng là 49.317.738 đồng. Ngân hàng yêu cầu buộc bà P trả cho ngân hàng số tiền là 49.317.738 đồng.

Bà P có trách nhiệm thanh toán khoản lãi phát sinh tính từ ngày 24/02/2022 cho đến khi trả hết nợ vay theo lãi suất quy định tại hợp đồng.

Bị đơn bà NTNP đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ nhưng không đến tòa làm việc nên không có ý kiến trình bày.

Tại phiên tòa:

Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt và vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, buộc bà NTNP phải thanh toán cho ngân hàng tổng số tiền còn nợ tính đến ngày 18/7/2022 là 54.009.371 đồng, trong đó nợ gốc là 26.696.536 đồng, nợ lãi quá hạn là 27.312.835 đồng.

Ngoài ra, bà P còn có trách nhiệm thanh toán tiếp khoản tiền lãi phát sinh từ ngày 19/7/2022 cho đến khi bà P trả hết nợ theo lãi suất thỏa thuận tại hợp đồng.

Bị đơn vắng mặt nên không có ý kiến trình bày

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận X phát biểu:

Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng các qui định của Bộ luật tố tụng dân sự, xác định đúng thẩm quyền, quan hệ pháp luật tranh chấp. Những người tham gia tố tụng được thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo qui định của pháp luật.

Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Căn cứ các bản tự khai của đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn cùng với các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào các quy định pháp luật và các điều khoản, điều kiện phát hành, sử dụng thẻ tín dụng, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

***Về thủ tục tố tụng:**

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn cùng các tài liệu có trong hồ sơ vụ án có đủ cơ sở xác định đây là vụ án dân sự về việc “Tranh chấp hợp đồng thẻ tín dụng”, do bị đơn bà NTNP có địa chỉ tại Quận X nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận X, theo quy định tại khoản 3 điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Xét bị đơn bà NTNP đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án, giấy triệu tập, thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, quyết định xét xử, quyết định hoãn phiên tòa nhưng bà P vẫn vắng mặt. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt bà P.

***Về nội dung:**

[1] Về yêu cầu đương sự:

Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày căn cứ vào giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng ngày 17/12/2012 Ngân hàng đã cấp 2 thẻ tín dụng cho bà NTNP, hạn mức tín dụng là 40.000.000 đồng với mục đích tiêu dùng cá nhân. Lãi suất áp dụng là 2.6%/tháng, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi trong hạn. Sau khi được cấp thẻ tín dụng bà P đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là 99.057.545đồng(trong đó thẻ Visa Ladies First là 56.857.545đ, thẻ Family Local Credit là 42.000.000đ). Từ ngày kích hoạt thẻ cho đến nay bà P đã thanh toán cho ngân hàng tổng số tiền là 161.030.300đồng(trong đó thẻ Visa Ladies First là 69.083.700đ, thẻ Family Local Credit là 91.946.600đ).

Do bà P đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán. Ngày 23/5/2020 Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn, dư nợ tại thời điểm này là 26.696.536đ làm nợ gốc(trong đó thẻ Visa Ladies First số thẻ là 17.339.358đ, thẻ Family Local Credit là 9.357.178đ), lãi suất nợ quá hạn là 150% lãi suất trong hạn.

Tính đến ngày xét xử 18/7/2022 bà P còn nợ ngân hàng tổng cộng là 54.009.371 đồng. Ngân hàng yêu cầu bà NTNP phải trả cho Ngân hàng tổng số tiền là 54.009.371 đồng, trong đó nợ gốc là 26.696.536 đồng, nợ lãi quá hạn là 27.312.835 đồng. Bà P còn phải thanh toán khoản lãi phát sinh tính từ ngày 19/7/2022 cho đến khi trả hết nợ vay theo lãi suất quy định tại hợp đồng.

Căn cứ vào bảng kê chi tiết giao dịch của khách hàng, bảng tóm tắt sao kê và các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án. Xét thấy, có đủ cơ sở để chứng minh bà P đã được Ngân hàng cấp 2 thẻ tín dụng nêu trên, số tiền bà P thực hiện các giao dịch, số tiền đã thanh toán, bà P hiện còn nợ ngân hàng số tiền nợ gốc là 26.696.536 đồng.

Do đó, nguyên đơn yêu cầu bà P trả số nợ gốc trên là có căn cứ, phù hợp với các chứng cứ có trong hồ sơ nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

[2] Về lãi suất: Căn cứ biểu phí sản phẩm dịch vụ thẻ Sacombank phát hành tại Việt Nam, xét thấy mức lãi suất trên do các bên tự nguyện thỏa thuận tại điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng phù hợp với quy định của pháp luật, có

cơ sở để chấp nhận. Do đó, nguyên đơn yêu cầu bà P trả số nợ lãi quá hạn là 27.312.835 đồng có căn cứ, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

Như vậy tổng số tiền bà P có nghĩa vụ phải thanh toán cho Ngân hàng, gồm nợ gốc và nợ lãi quá hạn, tổng cộng là 54.009.371 đồng. Bà P còn có nghĩa vụ thanh toán tiếp khoản tiền lãi phát sinh từ ngày 19/7/2022 cho đến khi trả hết nợ theo lãi suất thỏa thuận tại hợp đồng.

Trong quá trình thụ lý giải quyết vụ án, để làm rõ khoản nợ nêu trên Tòa án đã nhiều lần triệu tập họp lệ bà P đến tòa để trình bày ý kiến của mình nhưng vẫn vắng mặt xem như đã từ bỏ quyền cung cấp chứng cứ, quyền tự bảo vệ lợi ích của mình trước tòa.

[3] Phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận X tại phiên tòa là phù hợp với phần nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn bà NTNP phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 2.700.468 đồng.

Nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn lại cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần SGTT số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 747.235 đồng.

Vì các lẽ trên,

Quyết Định

- Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228; Điều 266; Điều 271; Điều 273; Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ Điều 471 Bộ luật Dân sự năm 2005;

- Căn cứ Luật các tổ chức tín dụng;

- Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí tòa án.

- Căn cứ Luật Thi hành án dân sự;

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần SGTT.

- Buộc bà NTNP phải thanh toán cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần SGTT số tiền nợ của 2 thẻ tín dụng là 54.009.371 đồng (năm mươi bốn triệu không trăm lẻ chín ngàn ba trăm bảy mươi một đồng), trong đó nợ gốc là 26.696.536 đồng (hai mươi sáu triệu sáu trăm chín mươi sáu ngàn năm trăm ba mươi sáu đồng), nợ lãi quá hạn là 27.312.835 đồng (hai mươi bảy triệu ba trăm mười hai ngàn tám trăm ba mươi lăm đồng). [(gồm thẻ Visa Ladies First số thẻ 486265-7763 nợ gốc là 17.339.358 đồng (mười bảy triệu ba trăm ba mươi chín ngàn ba trăm năm mươi tám đồng, nợ lãi quá hạn là 17.739.767 đồng (mười bảy triệu bảy trăm ba mươi chín ngàn sáu trăm sáu mươi bảy đồng), thẻ Family Local Credit số thẻ 970403-6390 nợ gốc là 9.357.178 đồng (chín triệu ba trăm năm mươi bảy ngàn một trăm bảy mươi tám đồng, nợ lãi quá hạn là 9.573.068 đồng (chín triệu năm trăm bảy mươi ba ngàn lẻ sáu mươi tám đồng)).

Bà P còn phải thanh toán khoản lãi phát sinh tính từ ngày 19/7/2022 cho đến khi trả hết nợ theo lãi suất quy định tại hợp đồng. Theo giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng ngày 17/12/2012.

Thi hành án tại Chi cục Thi hành án dân sự có thẩm quyền ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

2. Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm bà P còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà bà P phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà NTNP phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 2.700.468 đồng (hai triệu bảy trăm ngàn bốn trăm sáu mươi tám đồng).

Hoàn lại cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần SGTG số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 747.235 (bảy trăm bốn mươi bảy ngàn hai trăm ba mươi lăm đồng), theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2018-0036350 ngày 26/01/2021 của Chi cục Thi hành án Dân sự Quận X, Thành phố Hồ Chí Minh.

4. Quyền kháng cáo:

Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày được nhận bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND TP HCM
- VKS Q5
- Chi cục THADS Q5
- Dương sự
- Lưu VP, HS

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Vũ Kim Liên

